

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16/4/2024

V/v: Tranh chấp ly hôn
và nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Vũ Văn Hợp**
2. Ông **Nguyễn Duy Khương**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Kiều Duyên** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:** Ông **Nguyễn Thế Nam** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 414/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2023 về việc: "**Tranh chấp ly hôn và nuôi con**" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2024/QĐST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **T1**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: ấp TL, xã MTA, huyện CT, tỉnh KG..

(Chị T1 có mặt tại phiên tòa).

- Bị đơn: Anh **T2**, sinh năm 1994

Địa chỉ: ấp HB, xã MTA, huyện CT, tỉnh KG.

(Anh T2 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/11/2023, các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị T1 trình bày:

Vào năm 2017, chị T1 và anh T2 quen biết nhau, đến năm 2020 thì anh chị đã tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 30/09/2020 tại

UBND xã MTA, huyện CT, tỉnh KG. Sau kết hôn anh chị sống với nhau cũng hạnh phúc và có một người con chung là cháu K, sinh ngày 01/03/2022.

Thời gian sau thì anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T2 thường xuyên ăn nhậu với bạn bè và anh T2 còn không chung thủy, cụ thể: vào tháng 4/2022 anh T2 có nhắn tin quan tâm người phụ nữ khác thì chị bắt gặp tin nhắn và chị có nói là chị không thích anh nhắn tin như vậy nhưng anh T2 vẫn nhắn tin với người đó. Đến tháng 9/2023 anh T2 ăn nhậu với bạn bè tại nhà và có quan hệ với một người phụ nữ, chị không hay biết nhưng sau đó khi đọc được tin nhắn giữa anh T2 với người đó thì chị mới biết rằng anh T2 đã quan hệ với người phụ nữ đó một lần, anh T2 cũng thừa nhận việc này.

Nay do trong quá trình chung sống vợ chồng mà anh T2 không chung thủy với vợ, mặc dù cha mẹ hai bên nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh T2 vẫn không thay đổi. Bản thân chị đã từng bỏ qua lỗi lầm của anh T2 để tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa anh chị không còn nữa, mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn không thể khắc phục được, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tại phiên toà, chị T1 yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh T2;
- Về con chung: Yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu K, sinh ngày 01/03/2022 và chị không yêu cầu anh Trung cấp dưỡng nuôi con;
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết;
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

**** Bị đơn anh T2 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nhưng tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án anh T2 trình bày:***

Vào năm 2017, anh và chị T1 quen biết nhau, đến năm 2020 thì anh chị đã tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 30/09/2020 tại UBND xã MTA, huyện CT, tỉnh KG. Sau khi kết hôn anh chị sống với nhau cũng hạnh phúc và có một người con chung là cháu K, sinh ngày 01/03/2022. Thời gian sau thì anh chị phát sinh mâu thuẫn, anh thừa nhận đã có một lần nhắn tin quan tâm người phụ nữ khác thì chị T1 bắt gặp tin nhắn và chị T1 có nói là không thích anh nhắn tin như vậy, được một thời gian sau thì anh không nhắn tin với người đó nữa. Đến tháng 9/2023, có một lần anh uống rượu bia với bạn bè tại nhà và trong lúc say rượu thì anh có quan hệ với một người phụ nữ khác. Sau đó chị T1 đọc được tin nhắn giữa anh với người đó thì chị T1 mới biết sự việc này và anh cũng thừa nhận việc anh đã từng quan hệ với người phụ nữ đó nhưng vì nhất thời nông nổi và đã có uống rượu bia nên không làm chủ được bản thân.

Tại phiên toà, anh T2 có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Không đồng ý ly hôn với chị T vì anh vẫn còn rất thương chị T1, mong Tòa án hòa giải cho anh chị được đoàn tụ tiếp tục cuộc sống hôn nhân.

- Về con chung: Nếu trong trường hợp Tòa án giải quyết cho anh và chị T1 ly hôn thì anh T2 yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu K, sinh ngày 01/03/2022 và anh không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con;

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết;

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T1, cho chị T1 ly hôn với anh T2. Về con chung: Giao con chung là cháu K, sinh ngày 01/03/2022 cho chị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị T1 tự nguyện không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con. Anh T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T1 và anh T2 xác định trong quá trình chung sống anh chị không có không có tài sản chung và cam kết là không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị T1 khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T2, đây là vụ án “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” và bị đơn anh T2 có địa chỉ nơi cư trú tại ấp HB, xã MTA, huyện CT, tỉnh KG nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự:

Bị đơn anh T2 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T1 và anh T2 xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/09/2020 và được Ủy ban nhân dân xã Mong Thọ A, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của chị T1 và anh T2 là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị T1 yêu cầu ly hôn với anh T2: Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án thì chị T1 và anh T2 đều xác nhận thời gian đầu sau khi cưới thì anh chị sống hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, anh thừa nhận đã có một lần nhắn tin quan tâm người phụ nữ khác thì chị T1 bắt gặp tin nhắn và không thích anh nhắn tin như vậy, sau đó anh không nhắn tin với người đó nữa. Đến tháng 9/2023, có một lần anh T2 uống rượu bia với bạn bè tại nhà và trong lúc say rượu thì anh T2 có quan hệ với một người phụ nữ khác. Sau đó chị T1 đọc được tin nhắn giữa anh T2 với người đó thì chị T1 mới biết sự việc này và anh T2 cũng thừa nhận việc anh Trung đã từng quan hệ với người phụ nữ đó. Như vậy, do anh T2 không chung thủy, vi phạm nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên chị T1 khẳng định chị không còn tình cảm yêu thương với anh T2 và tại phiên tòa hôm nay, chị T1 vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh T2g nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T1 về việc xin ly hôn với anh T2 là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị T1 và anh T2 cùng xác nhận trong thời gian chung sống anh chị có một người con chung là cháu K, sinh ngày 01/03/2022, hiện nay cháu K đang sống cùng chị T1. Chị T1 yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu K và chị Trinh không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con; anh T2 cũng yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu K và anh T2 không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét yêu cầu của chị T1, anh T2, thấy rằng: kể từ sau khi ly thân với anh T2 cho đến nay chị T1 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K, đồng thời cháu K hiện nay dưới 36 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử giao cháu K cho chị T1 chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do chị T1 tự nguyện không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T1 và anh T2 đều xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị T1 và anh T2 đều xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị T1 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con đối với anh T2.

[3] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị T1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng, anh T2 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56, các Điều: 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T1 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” với anh T2.

1. Về hôn nhân: Chị T1 được ly hôn với anh T2.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu K, sinh ngày 01/3/2022 cho chị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị T1 tự nguyện không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con. Anh T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T1 và anh T2 đều xác nhận là không có tài sản chung, cam kết là không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị T1 phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001158 ngày 23/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị T1 không phải nộp thêm, anh T2 không phải chịu án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T2 vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Mong Thọ A, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Phạm Ngọc Khánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Hợp

Nguyễn Duy Khương

Danh Phạm Ngọc Khánh

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Minh Hòa, huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Phạm Ngọc Khánh